TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2025/KDTM-PT
Ngày 09-12-2025
V/v tranh chấp hợp đồng thuê tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tấn Quốc

Các Thẩm phán Bà Lê Thị Kim Nga

Ông Đinh Tiền Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Khổng Văn Đa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa****:* Bà Lê Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2025/TLPT-KDTM ngày 09 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/KDTM-ST ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 6 – Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 18/2025/QĐ-PT ngày 13 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn V.

Địa chỉ trụ sở chính: Số A, lô D, đường P, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lương Văn L - Giám đốc.

- *Bị đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên C.

Địa chỉ trụ sở chính: Số C, ấp Đ, xã L, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T - Giám đốc.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty cổ phần Đ.

Địa chỉ trụ sở chính: Số B, Đường số D, khu dân cư C, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên hệ: Số C, Đường số D, khu dân cư C, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Viết H – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Văn T1, sinh năm 1975. Địa chỉ cư trú: Số C, đường T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1954.

Địa chỉ cư trú: Số C, đường P, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo*: Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên C là bị đơn.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Tây Ninh.

(Ông L, ông T, ông T1 và ông M có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 01/11/2023, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 12/5/2025, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn V do ông Lương Văn L là người đại diện theo uỷ quyền có nội dung như sau:

Ngày 28/9/2022, Công ty trách nhiệm hữu hạn V (gọi tắt là Công ty V) và Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên C (gọi tắt là Công ty C) có ký Hợp đồng kinh tế số 06HĐKT.2022 về việc thuê thiết bị gồm: 01 sà lan xáng cạp biển số SG4689 và gón cần 75 tấn; giá thuê là 135.000.000đ/tháng bao gồm thuế GTGT, tiền thợ, chi phí sửa chữa, Công ty V sẽ xuất hóa đơn cho Công ty C hóa đơn GTGT là 150.000.000đ đã cộng tiền công nhân và tiền ăn trong 01 tháng; thời hạn thuê dự kiến là 06 tháng.

Thực hiện hợp đồng, Công ty V đã giao tài sản cho thuê cho Công ty C vào ngày 20/9/2022 tại Cầu T thuộc huyện C tỉnh Long An, các bên thống nhất tính tiền thuê từ ngày 20/9/2022. Sau khi giao tài sản cho thuê, phía Công ty C đã thanh toán cho Công ty V số tiền 273.000.000đ, thanh toán bằng hình thức chuyển khoản và tiền mặt nhiều lần, số tiền này trừ vào số tiền thuê.

Gần Tết Nguyên đán thì công trình hoàn thành, tài sản thuê đậu tại công trình, ông Nguyễn Văn M là nhân viên của Công ty V có gọi thông báo là công trình đã xong nên qua Tết ông L là Giám đốc Công ty V đã đến công trình ở Cầu C thuộc tỉnh Tiền Giang kéo sà lan và cần về.

Từ ngày 20/9/2022 đến ngày 15/01/2023, thời gian là gần 04 tháng, theo hợp đồng với thời gian thuê trên phía bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 540.000.000đ tuy nhiên bị đơn chỉ thanh toán cho nguyên đơn số tiền 273.000.000đ.

Do đó Công ty V khởi kiện. Tại Đơn khởi kiện trước đây Công ty V yêu cầu Công ty C1 số tiền 267.000.000đ, tuy nhiên qua làm việc Công ty V đồng ý cho Công ty C1 thực tế những ngày thuê làm việc, tính từ ngày 20/9/2022 đến ngày 20/01/2023 là 97 ngày căn cứ vào Sổ theo dõi hoạt động của phương tiện (do ông Nguyễn Văn M theo dõi). Giá thuê mỗi tháng là 135.000.000đ/30 ngày, mỗi ngày là 4.500.000đ. Thời gian thuê (hoạt động) là 97 ngày x 4.500.000đ/ngày =

436.500.000đ khấu trừ vào số tiền 273.000.000đ đã chuyển khoản trước đó nên Công ty V yêu cầu thanh toán số tiền còn lại 163.500.000đ.

Đồng thời, yêu cầu chấm dứt Hợp đồng kinh tế số 06HĐKT.2022 ngày 28/9/2022 giữa Công ty V và Công ty C.

Việc Công ty C thuê sà lan của Công ty V rồi cho Công ty cổ phần Đ thuê lại thì sau này Công ty V mới biết.

Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên C do ông Nguyễn Văn T là người đại diện theo pháp luật trình bày trong quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:

Về nội dung và quá trình thực hiện Hợp đồng kinh tế số 06HĐKT.2022 ngày 28/9/2022 thì Công ty C thống nhất với lời trình bày của Công ty V. Hai bên cũng thống nhất ngày tính tiền thuê là ngày 20/9/2022 vì ngày 20/9/2022 Công ty C đã nhận tài sản thuê, tuy nhiên không có lập biên bản giao nhận.

Sau khi ký hợp đồng với Công ty V ngày 28/9/2022 thì ngày 10/9/2022, Công ty C và Công ty cổ phần Đ (gọi tắt là Công ty Đ) có ký Hợp đồng kinh tế số 12/HĐKT/MK-CĐP/2022, nội dung Công ty C cho Công ty Đ thuê thiết bị phục vụ thi công công trình xây dựng nâng cấp tuyến Kênh Chợ G, gồm 01 xáng cạp 75 tấn để thi công; giá thuê là 170.000.000đ, tài sản Công ty C cho thuê lại là tài sản thuê từ Công ty V. Ngoài ra, Công ty C còn cho Công ty Đ thuê 01 số tài sản khác thuộc sở hữu của Công ty C.

Công ty C và Công ty V có thỏa thuận giá thuê mỗi tháng là 135.000.000đ, trong hợp đồng cũng thể hiện nếu trong 01 tháng phương tiện bị hư hỏng 02 ngày thì vẫn tính tiền thuê trọn tháng, nếu quá 02 ngày thì sẽ khấu trừ toàn bộ những ngày phương tiện không hoạt động vào tiền thuê hàng tháng.

Sau khi nhận tài sản thuê thì Công ty C có thanh toán cho Công ty V số tiền 273.000.000đ, thanh toán làm nhiều lần, bằng tiền mặt và chuyển khoản.

Vào ngày 08/01/2023, phía Công ty Đ có gọi điện thoại cho Công ty C yêu cầu chấm dứt hợp đồng, bàn giao lại tài sản. Do đó Công ty C có gọi cho Công ty V thông báo chấm dứt hợp đồng và đề nghị Công ty V xuống công trường ở Chợ G mang tài sản thuê về.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của Công ty V, Công ty C đồng ý chấm dứt Hợp đồng số 06HĐKT.2022 ngày 28/9/2022 nhưng không đồng ý trả số tiền 267.000.000đ, chỉ đồng ý trả những ngày thực tế có hoạt động còn những ngày không hoạt động thì trừ ra không tính tiền. Chỉ tính những ngày tài sản thuê hoạt động (những không không hoạt động hoặc sửa chữa sẽ trừ tiền ra). Cụ thể từ ngày 20/9/2022 đến ngày 20/01/2023 thực tế tài sản thuê chỉ sử dụng khai thác hoạt động 66 ngày (theo Xác nhận ngày 10/01/2023 của ông Lê Viết H1 – chỉ huy công trường – nhân viên của Công ty Đ) là 297.000.000đ khấu trừ vào số tiền 273.000.000đ đã thanh toán trước đó nên Công ty C chỉ đồng ý thanh toán tiếp số tiền 24.000.000đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần Đ do ông Lê Viết H là người đại diện theo pháp luật có văn bản trình bày như sau:

Ngày 10/9/2022, Công ty cổ phần Đ (gọi tắt là Công ty Đ) có ký Hợp đồng thuê số 10 và 12/HĐKT/MK-CĐP để phục vụ thi công công trình Chợ G1. Đến thời điểm hiện tại Công ty Đ đã thanh toán gần hết giá trị hợp đồng cho Công ty C, chỉ còn nợ một ít do phía chủ đầu tư chưa thanh toán hết số tiền thi công cho Công ty Đ. Đồng thời do bận công tác nên Công ty Đ xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn M trình bày:

Trước đây ông có làm việc cho Công ty V (từ tháng 02/2022 đến tháng 4/2023 thì nghỉ việc), chỉ thỏa thuận miệng, không có ký hợp đồng lao động. Công ty V kinh doanh cho thuê xà lan, gón cần. Công việc chính của ông là làm bảo vệ, quản lý phương tiện cho Công ty V.

Vào thời điểm khoảng tháng 9/2022 thì Công ty V có cho Công ty C thuê xà lan xáng cạp biển số SG 4689 và gón cần 75 tấn, theo công việc được giao ông đi theo quản lý, trông coi tài sản trên địa điểm hoạt động huyện C, tỉnh Tiền Giang. Ông Lương Văn L có cung cấp cho Tòa án "Sổ theo dõi hoạt động công trình của phương tiện", đây là chữ viết của ông, ông có ghi chép lại số ngày phương tiện hoạt động và ngày không hoạt động. Theo đó đến ngày 15/01/2023 cần và xà lan bắt đầu ngưng hoạt động nhưng qua Tết Công ty V mới kéo phương tiện về.

Trong quá trình làm việc, ông có biết ông Lê Trường S, ông S làm việc cho Công ty Đ, nhiệm vụ là giám sát. Ông S nghỉ về quê trước ngày 15/01/2023 khoảng 01 tuần do quê ông S ở miền B. Đến khoảng tháng 4/2023 thì ông không làm việc cho Công ty V nữa.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2025/KDTM-ST ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 6 – Tây Ninh đã tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn V về việc "Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản" đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên C.

- Chấm dứt Hợp đồng kinh tế số 06HĐKT.2022 ngày 28/9/2022 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn V và Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên C

- Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên C có trách nhiệm hoàn trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn V số tiền thuê tài sản còn nợ lại là 163.500.000đ.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành; án phí; quyền kháng cáo; quyền yêu cầu, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án.

Ngày 07/8/2025, Tòa án nhân dân khu vực 6 – Tây Ninh nhận được đơn kháng cáo của Công ty C là bị đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 139.500.000đ (chỉ đồng ý trả 24.000.000đ).

Ngày 08/8/2025, Tòa án nhân dân khu vực 6 – Tây Ninh nhận được Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKSKV6 ngày 08/8/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Tây Ninh, kháng nghị một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc bị đơn phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu chấm dứt hợp đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên kháng nghị. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, đồng thời vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại cấp sơ thẩm; riêng đại diện Công ty Đ là ông Lê Văn T1 trình bày Công ty C chuyển tài sản thuê cho Công ty Đ thuê lại thời hạn 97 ngày như Công ty V trình bày là đúng nhưng thực tế tài sản thuê hoạt động chỉ có 66 ngày, 31 ngày còn lại không sử dụng mà sửa chữa để đó.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về tính hợp lệ của kháng cáo: Đơn kháng cáo và quyết định kháng nghị nằm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về giải quyết yêu cầu kháng cáo, kháng nghị: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, xét thấy án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Tuy nhiên về án phí, án sơ thẩm chỉ buộc bị đơn chịu án phí có giá ngạch trên số tiền phải trả cho nguyên đơn mà không buộc bị đơn chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu buộc chấm dứt hợp đồng là chưa phù hợp.

Do đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Tây Ninh. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, những người được Tòa án triệu tập có mặt, Tòa án tiến hành xét xử theo trình tự phúc thẩm là phù hợp quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm xác định thẩm quyền Tòa án giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng và xét xử theo trình tự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại các Điều 28, 35, 39, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, bản án sơ thẩm đảm bảo thủ tục tố tụng.

Về việc giải quyết yêu cầu kháng cáo, kháng nghị:

[3] Xét kháng cáo của bị đơn Công ty C yêu cầu chỉ phải thanh toán 24.000.000đ, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[4] Theo Hợp đồng kinh tế số 06/HĐKT.2022 ngày 28/9/2022 giữa Công ty V và Công ty C thì hai bên thoả thuận giá thuê theo tháng là 135.000.000đ/tháng. Hai bên không có thỏa thuận đơn giá theo ngày hoạt động thực tế của phương tiện (số ngày không hoạt động sẽ không tính tiền thuê) mà chỉ thoả thuận trừ trường hợp phương tiện hư hỏng trên 02 ngày/tháng sẽ khấu trừ những ngày phương tiện không hoạt động vào tiền thuê hàng tháng.

[5] Công ty C yêu cầu tính 66 ngày thực tế phương tiện hoạt động dựa trên việc cho Công ty Đ thuê lại. Tuy nhiên đây là thỏa thuận giữa Công ty C và Công ty Đ, không có ý nghĩa ràng buộc đối với Công ty V. Hơn nữa, Hợp đồng kinh tế số 06/HĐKT.2022 ngày 28/9/2022 giữa Công ty V và Công ty C không thoả thuận Công ty C được quyền cho người khác thuê lại. Khi Công ty C cho Công ty Đ thuê lại cũng không thông báo cho Công ty V biết nên xác định đây là lỗi của Công ty C.

[6] Ngoài ra, việc Công ty V đồng ý quy đổi giá thuê tháng/30 ngày và chỉ tính thời gian thuê là 97 ngày thực tế phương tiện làm việc theo Sổ theo dõi của nhân viên công ty - ông Nguyễn Văn M là có lợi cho Công ty C. Vì vậy không có căn cứ để tính số ngày thực tế phương tiện hoạt động là 66 ngày như đề nghị của Công ty C.

[7] Công ty V khởi kiện yêu cầu Công ty C hoàn trả số tiền thuê còn nợ là 97 ngày x 135.000.000đ/30 ngày – 273.000.000đ = 163.500.000đ là có căn cứ, án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty V là hoàn toàn phù hợp.

[8] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Công ty Đ cũng xác nhận Công ty C thuê tài sản từ Công ty V rồi chuyển giao qua Công ty Đ thuê lại tổng cộng 97 ngày như ông M là người làm chứng trình bày là phù hợp, tuy nhiên Công ty Đ cho rằng thực tế máy hoạt động 66 ngày là không phù hợp như nhận định tại đoạn [6]. Công ty C kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới để Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của Công ty C.

[9] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6, tỉnh Tây Ninh, Hội đồng xét xử thấy rằng: Công ty V khởi kiện yêu cầu chấm dứt hợp đồng thuê và yêu cầu Công ty C1 tiền thuê còn thiếu. Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty V nhưng chỉ buộc Công ty C chịu án phí có giá ngạch trên số tiền 163.500.000đ phải trả mà không buộc Công ty C chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu chấm dứt hợp đồng là thiếu sót. Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6, tỉnh Tây Ninh là có cơ sở chấp nhận.

[10] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty C, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6, tỉnh Tây Ninh. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ.

[11] Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc Công ty C phải chịu 2.000.000đ án phí dân sự phúc thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh, thương mại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH một thành viên C.

Chấp nhận yêu cầu kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6, tỉnh Tây Ninh.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/KDTM-ST ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 6 – Tây Ninh.

Căn cứ các Điều 30, 35, 39, 147, 148, 227, 228 và 483 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 422, 472 và 481 Bộ luật Dân sự; các Điều 269, 270, 271 Luật Thương mại năm 2005; Điều 26 và 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn V về việc "Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản" đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên C.

- Chấm dứt Hợp đồng kinh tế số 06HĐKT.2022 ngày 28/9/2022 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn V với Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên C.

- Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên C phải hoàn trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn V số tiền thuê tài sản còn nợ lại là 163.500.000đ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên C phải chịu 11.175.000đ.

- Hoàn trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn V 6.675.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0002891 ngày 02/01/2023 và 3.000.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0018601 ngày 12/5/2025, cùng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đước (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6, tỉnh Tây Ninh).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên C phải chịu 2.000.000đ, khấu trừ 2.000.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0002611 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh, Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên C đã nộp xong.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND khu vực 6 – Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tấn Quốc